

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
KHẢI HOÀN – NAM SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Về công khai hoạt động giáo dục của Trường TH, THCS & THPT Khải Hoàn Nam Sài Gòn
Năm học 2024 – 2025

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường TH, THCS & THPT Khải Hoàn Nam Sài Gòn báo cáo công khai về hoạt động giáo dục phổ thông của nhà trường năm 2024 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Khải Hoàn - Nam Sài Gòn.

2. Trang thông tin điện tử: <https://khaihoannsg.victoriaschool.edu.vn/>

3. Địa chỉ thư điện tử: thptkhaihoannsg@hcm.edu.vn

4. Thông tin các điểm trường:

- Địa chỉ: 803A Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiển huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (+84)852 600 800

5. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu giáo dục, quá trình hình thành và phát triển

Chi tiết tại mục VỀ TRƯỜNG KHẢI HOÀN - NSG trên trang điện tử của nhà trường.

6. Thông tin pháp lý

6.1. Loại hình của cơ sở giáo dục: Tư thực

6.2. Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

6.3. Tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục: Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long

6.4. Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thụy Thảo Đang

- Địa chỉ nơi làm việc: 803A Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiển huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ thư điện tử: thptkhaihoannsg@hcm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Về cho phép thành lập và hoạt động trường

- Quyết định thành lập trường số 2103/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND Tp. Hồ Chí Minh;

- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục và quyết định công nhận hiệu trưởng số 2434/QĐ-SGDĐT, 2435/QĐ-SGDĐT ngày 10/8/2023 của Sở Giáo dục đào tạo - UBND Tp. Hồ Chí Minh.

7.2. Hội đồng trường và Chủ tịch hội đồng trường

a) Quyết định công nhận

- Quyết định công nhận Hội đồng trường Trường TH, THCS & THPT Khải Hoàn Nam Sài Gòn số 3398/QĐ-SGDĐT ngày 13/10/2024 nhiệm kỳ 2023 - 2028.

- Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường TH, THCS & THPT Khải Hoàn Nam Sài Gòn số 3409/QĐ-SGDĐT ngày 13/10/2023 nhiệm kỳ 2023 - 2028.

b) Danh sách Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023 – 2028

STT	Họ tên	Chức vụ/Chức Danh
1	Phùng Chu Cường	Chủ tịch Hội đồng trường
2	Nguyễn Vũ Anh Tú	Ủy viên
3	Hà Thanh Việt	Ủy viên
4	Trần Thu Hà	Ủy viên
5	Lê Nguyễn Trung Nguyên	Ủy viên

7.3. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

a) Quyết định công nhận

- Quyết định về việc Công nhận Hiệu trưởng Trường TH, THCS & THPT Khải Hoàn - Nam Sài Gòn số 3648/QĐ-SGDĐT của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 18/10/2024 nhiệm kỳ 2024 - 2029.

b) Danh sách

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thụy Thảo Đang	Hiệu trưởng

8. Các văn bản của cơ sở giáo dục

Kế hoạch giáo dục, Công khai giáo dục: Chi tiết tại trang tin điện tử của nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thống kê số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo trình độ được đào tạo (tính đến hết 31/12 hàng năm)

1.1. Năm 2023 (tính từ 12/08/2024 đến hết 31/12/2023)

	NĂM 2023								
	Số lượng			Trình độ đào tạo					
	Tổng cộng	Cơ hữu	Thỉnh giảng	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	TH 12 + 2
CBQL	1				1				
Hiệu trưởng	1				1				
Phó Hiệu trưởng	0								
Giáo viên									
Tiểu học	12	12			1	11			
GVCN	7	7				7			
Thê dục	1	1				1			
Âm nhạc	1	1			1				
Mĩ thuật	1	1				1			
Tiếng Anh	1	1				1			
Tin học	1	1				1			
THCS	14	14			5	9			
Văn	1	1			1				
Toán	2	2			1	1			

	NĂM 2023								
	Số lượng			Trình độ đào tạo					
	Tổng cộng	Cơ hữu	Thỉnh giảng	TS	ThS	ĐH	CD	TC	TH 12 + 2
Tiếng Anh	2	2				2			
Tin học	1	1				1			
Công nghệ	1	1				1			
GDCD	1	1				1			
LS-ĐL	1	1				1			
KHTN	2	2			2				
GDTC	1	1				1			
Nghệ thuật	2	2			1	1			
THPT	12	9	3		7	5			
Văn	1	1			1				
Toán	1	1			1				
Tiếng Anh	1	1				1			
GDTC	1	1				1			
Lịch sử	1	1				1			
Địa lí	1	1				1			
Vật lí	1	1			1				
Hóa học	1		1			1			
Sinh học	1	1			1				
GD KT-PL	1		1		1				
Mĩ thuật	1	1			1				
GDQP-AN	1		1		1				
Nhân viên	14	14				4	4	1	5
Văn thư	1	1				1			
Kế toán	1	1					1		
Nhân viên y tế	1	1					1		
Nhân viên thư viện	1	1				1			
Giáo vụ	2	2				1	1		
Nhân sự	1	1				1			
Cấp dưỡng	1	1					1		

	NĂM 2023								
	Số lượng			Trình độ đào tạo					
	Tổng cộng	Cơ hữu	Thỉnh giảng	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	TH 12 + 2
Nhân viên bảo vệ	2	2						1	1
Bảo mẫu	4	4							4
TỔNG CỘNG									

1.2. Năm 2024 (tính từ 01/01/2024 đến hết 31/12/2024)

	NĂM 2024								
	Số lượng			Trình độ đào tạo					
	Tổng cộng	Cơ hữu	Thỉnh giảng	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
CBQL	1	1			1				
Hiệu trưởng	1	1			1				
Phó Hiệu trưởng	0								
Giáo viên									
Tiểu học	20	20				20			
GVCN	12	12				12			
Thể dục	2	2				2			
Âm nhạc	1	1				1			
Mĩ thuật	1	1				1			
Tiếng Anh	3	3				3			
Tin học	1	1				1			
THCS	17	17			6	11			
Văn	3	3			2	1			
Toán	2	2			1	1			
Tiếng Anh	2	2				2			
Tin học (Dạy kiêm nhiệm Công nghệ)	1	1				1			
GD CD	1		1		1				
LS-ĐL	2	2				2			
KHTN	3	3			1	2			
GDTC	1	1				1			

	NĂM 2024								
	Số lượng			Trình độ đào tạo					
	Tổng cộng	Cơ hữu	Thỉnh giảng	TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC
Nghệ thuật	2	2			1	1			
THPT	14	12	2		7	7			
Văn	2	2			1	1			
Toán	2	2			2				
Tiếng Anh	1	1				1			
GDTC	1	1				1			
Lịch sử	1	1				1			
Địa lí	1	1				1			
Vật lí	1	1			1				
Hóa học	1	1				1			
Sinh học	1	1				1			
GD KT-PL	1		1		1				
Mĩ thuật	1	1			1				
GDQP-AN	1		1		1				
Nhân viên	9	9			1	5	1		2
Văn thư	1					1			
Kế toán	1					1			
Nhân viên y tế									
Nhân viên thư viện	1					1			
Giáo vụ	2					1	1		
Nhân sự	1					1			
Cấp dưỡng									
Nhân viên bảo vệ									
Bảo mẫu	2								2
Nhân viên văn phòng khác	1				1				
TỔNG CỘNG									

2. Thống kê số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp tạo (tính đến hết 31/12/2024)

2.1. Năm 2023 (Tính từ 12/08/2023 đến hết 31/12/2023)

Chưa có do đánh giá chuẩn nghề nghiệp vào tháng 05 năm 2024.

2.2. Năm 2024 (Tính từ 01/01/2024 đến hết 31/12/2024)

NĂM 2024					
CHUẨN NGHỀ NGHIỆP					
Tổng cộng	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Chưa đánh giá
1	1 (100%)				
	1				
	0				
20	18 (90%)	2 (10%)			
12	10	2			
2	2				
1	1				
1	1				
3	3				
1	1				
17	14 (82%)	3 (18%)			
3	3				
2	1	1			
2	1	1			
1	1				
1	1				
2	2				
3	3				
1	1				
2	1	1			
14	13 (93%)	1 (7%)			
2	2				
2	2				
1	1				
1	1				
1	1				
1	1				
1	1				
1	1				
1	1				
1	1				
1		1			
1	1				

NĂM 2024					
CHUẨN NGHỀ NGHIỆP					
Tổng cộng	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Chưa đánh giá

3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định (tính đến hết 31/12 hàng năm)

STT	ĐỐI TƯỢNG	NĂM 2024		NĂM 2023	
		TỔNG SỐ	HOÀN THÀNH BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ	HOÀN THÀNH BỒI DƯỠNG
1	CBQL	01	01 (100%)	01	01 (100%)
2	Giáo viên	31	11 (52%)	39	11 (28%)
3	Nhân viên				
TỔNG CỘNG					

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin tổng quan

STT	ĐỐI TƯỢNG	NĂM 2024
1	Số điểm trường	01
2	Tổng số diện tích đất (m ²)	6.212,75

2. Thông tin cơ sở vật chất các điểm trường

STT	ĐỐI TƯỢNG	NĂM 2024
1	Tổng số diện tích đất (m ²)	6.212,75
2	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập	2.627

3	Số phòng học và phòng bộ môn	45
4	Khối phòng phục vụ học tập (thư viện, hội trường,...)	2
5	Khối phòng hành chính quản trị	1
6	Nhà bếp	1
7	Phòng ăn	1
8	Nhà vệ sinh	24
9	Thiết bị dạy học tối thiểu (bộ)	55

3. Thiết bị dạy học

- Mỗi phòng học đều được trang thiết bị dạy học gồm máy tính có kết nối internet, bảng tương tác và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.
- Nhà trường trang bị thiết bị sử dụng cho các chủ đề dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và nhu cầu thực tế trong đào tạo của nhà trường.
- Thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo theo đúng quy định của nhà nước.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Chưa có do trường mới đi vào hoạt động từ năm 2023.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

1.1. Thông tin về kế hoạch tuyển sinh (đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan): Công bố tại mục TUYỂN SINH trên trang tin điện tử của nhà trường.

1.2. Các chương trình và hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh được đăng tải tại mục THÔNG BÁO, TIN TỨC và THÔNG TIN MỚI NHẤT tại trang tin điện tử và ứng dụng di động của nhà trường.

1.3. Thực đơn hàng ngày của học sinh được đăng tải tại ứng dụng di động Victoria School để PHHS và học sinh thuận tiện đăng ký và theo dõi.

2. Thống kê số lượng học sinh

2.1. Năm học 2023 - 2024

ST T	Nội dung	NĂM HỌC 2023 - 2024											
		Tổng số	Chia theo khối lớp										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tổng số học sinh	246	52	20	23	20	19	35	17	14	17	19	10
2	Tổng số lớp	14	3	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1
3	Số học sinh bình quân/ lớp	18	17	20	23	20	19	35	8.5	14	17	19	10
4	Số lượng học sinh nam/ học sinh nữ	67/67	22/3 0	10/1 0	12/1 1	12/8	11/8	20/1 5	12/5	6/8	7/10	7/12	5/10
5	Số học sinh học 2 buổi/ ngày	67/67	22/3 0	10/1 0	12/1 1	12/8	11/8	35	17	14	17	19	10
6	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
7	Số học sinh khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Số học sinh chuyên trường (đi/rút)	9	0	4	4	1	0	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	HKI - NĂM HỌC 2024 - 2025												
		Tổng số	Chia theo khối lớp											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8	Số học sinh chuyển trường (đi/rút)		0	7	2	7	3	0	2	3	4	0	7	0
9	Số học sinh chuyển đến trường trong năm		1	12	20	14	8	0	9	13	8	0	6	0

3. Thống kê kết quả đánh giá học sinh

3.1. Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	NĂM HỌC 2023 – 2024											
		Tổng số	Chia theo khối lớp										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Số HS chia theo KQR L		52	20	23	20	19	35	17	14	17	19	10
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)		100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0 %	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Trung bình/ Đạt (tỉ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0 %	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
4	Yếu/ Chưa đạt (tỉ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0 %	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
II	Số HS chia theo Học lực /KQH T		52	20	23	20	19	35	17	14	17	19	10

1	Giỏi/ Tốt/H TT (tỉ lệ so với tổng số)		67%	45%	21%	30 %	/	43%	35%	21%	71%	47%	70%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)/HT		13%	5%	0%	15 %	/	40%	53%	43%	24%	42%	30%
3	Trung bình/ Đạt (tỷ lệ so với tổng số)/C HT		25%	50%	78%	55 %	/	17%	12%	36%	5%	11%	0%
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0 %	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm		52	20	23	20	19	35	17	14	17	19	10
1	Lên lớp		52	20	23	20	19	35	17	14	17	19	10
2	Không được lên lớp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

3.2. Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	NĂM HỌC 2024 – 2025												
		Tổn g số	Chia theo khối lớp											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

I	Số HS chia theo KQR L	423	84	58	43	37	22	32	44	28	20	31	19	8
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	100	/	/	/	/	/	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	0%	/	/	/	/	/	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Đạt (tỉ lệ so với tổng số)	0%	/	/	/	/	/	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
4	Chưa đạt (tỉ lệ so với tổng số)	0%	/	/	/	/	/	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
II	Số HS chia theo Học lực /KQH T	423	84	58	43	37	30	32	42	29	18	32	19	8
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)		/	/	/	/	/	22 %	34 %	18 %	35 %	61 %	30 %	63%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)		/	/	/	/	/	41 %	48 %	46 %	50 %	36 %	55 %	37%

3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		/	/	/	/	/	37 %	18 %	36 %	15 %	3%	15 %	0%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)		/	/	/	/	/	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm		84	58	43	37	30	32	42	29	18	32	19	8
1	Lên lớp		/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
2	Không được lên lớp		/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/

4. Số lượng học sinh tốt nghiệp và số lượng học sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng đối với cấp trung học phổ thông

STT	NỘI DUNG	NĂM HỌC 2024 - 2025	NĂM HỌC 2023 - 2024
I	Số học sinh dự xét/ dự thi tốt nghiệp		
	Tiểu học	19	/
	Trung học cơ sở	17	/
	Trung học phổ thông	0	/
II	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp/ cấp bằng tốt nghiệp		
1	<i>Tiểu học</i>	19	/
2	<i>Trung học cơ sở</i>		
2.1	Giỏi	12	/
2.2	Khá	4	/

2.3	Trung bình	1	/
3	<i>Trung học phổ thông</i>		
3.1	Giỏi	0	/
3.2	Khá	0	/
3.3	Trung bình	0	/

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (CD)

1. Các khoản thu, chi

1.1. Các khoản thu:

- Học phí
- Các khoản thu khác: Phí dịch vụ (xe đưa rước, đồng phục,...)
- Lãi tiền gửi
- Các khoản thu hợp pháp khác (nếu có)

1.2. Các khoản chi:

- Tiền lương và phúc lợi cho đội ngũ
- Các khoản chi cho việc đảm bảo vận hành cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục.
- Chi cho các dịch vụ thuê mướn để phục vụ cho hoạt động giáo dục.
- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...)
- Các khoản chi khác như đào tạo chuẩn hóa đội ngũ, tham quan học tập trong và ngoài nước, giao lưu quốc tế,...

2. Kết quả chính sách hỗ trợ người học

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Hoạt động dạy học

- Tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho tất cả các khối.. Đặc biệt, đại đa số học sinh khối 10, 11 và 12 được học tập môn lựa chọn theo nguyện vọng và có

bước chuẩn bị tốt cho học sinh khối 9 tìm hiểu về chọn lựa môn học dựa trên định hướng nghề nghiệp của các em để chuẩn bị cho năm học tiếp theo.

- Tổ chức dạy học hiệu quả các chương trình cốt lõi của nhà trường ở các môn Tiếng Anh, Tin học, Nghiên cứu khoa học cho các khối lớp.
- Tiếp tục tổ chức vận dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, dạy học dự án (project-based learning), ứng dụng AI trong giảng dạy....
- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy thông qua việc thực hiện dạy học kết hợp (blended -learning) trên hệ thống Sewsaw nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của các đối tượng học sinh khác nhau, đảm bảo sự tương tác chặt chẽ của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy — học, và cha mẹ học sinh có thể theo dõi quá trình học tập của con.
- Tổ chức các lớp phụ đạo dành cho học sinh khối 3, 4, 5, 6, 7, 8 môn Tiếng Anh.
- Thực hiện nghiêm túc các văn bản của ngành, của sở/phòng giáo dục
- Thực hiện nhiệm vụ đổi mới giáo dục ở bậc phổ thông, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong đó, có việc triển khai dạy theo chương trình mới đối với lớp 5, lớp 9, lớp 12;
- Hoàn thành xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.
- Thực hiện tốt công tác tập huấn của ngành.
- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm.
- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học: dạy học theo dự án, dạy học chuyên đề, chủ đề, học tập trải nghiệm, tiết học ngoài trời, lớp học đảo ngược...
- Áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học, chuyển đổi số trong quản lý: khai thác các nền tảng học tập MyiMath, Raz Plus, Vocabulary AtoZ, Google classroom, Google platforms, App tương tác Victoria Mobileapp...
- Đầu tư trang thiết bị dạy học, các phòng chức năng phục vụ tốt công tác dạy – học

- Huy động các nguồn lực phối hợp từ phụ huynh, địa phương, xã hội... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển chất lượng dạy và học.
- Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, công tác kiểm tra đánh giá nội bộ
- Đổi mới trong công tác quản lí, lãnh đạo.
- Tham gia cuộc thi “STEM for Girls” do Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam tổ chức, cùng với các HS nữ từ các trường trong nước và khu vực Đông Nam Á (Thái Lan, Lào, Myanmar).
- Hoạt động phát triển văn hóa đọc
 - + Tổ chức đọc sách vào giờ trưa mỗi ngày cho học sinh tiểu học.
 - + Tổ chức câu lạc bộ đọc sách cho học sinh tiểu học và trung học.
 - + Tổ chức “Tuần lễ đọc sách”: Thiết kế các góc đọc sách trong khuôn viên trường nhằm khích lệ việc đọc sách của học sinh; tổ chức dự án hóa thân vào nhân vật trong sách, truyện và thuyết trình.
- Đầu tư, xây dựng 02 câu lạc bộ cho HS tự quản:
 - + Câu lạc bộ “We can” của học sinh lớp 7: thiết kế các ấn phẩm truyền thông, ứng dụng AI trong đời sống, tìm hiểu về các doanh nhân thế giới...
 - + Câu lạc bộ “Debate” của học sinh THPT: dẫn dắt bởi HS lớp 12, luyện tập và tham gia các giải hùng biện trong thành phố.
- Tổ chức Hoạt động trải nghiệm doanh nghiệp cho HS các lớp tại VietJet Academy, phòng khám Clean Care, bảo tàng học viện đông y, bất động sản Phú Long, triển lãm ánh sáng Giga Mall...

2. Hoạt động giáo dục nhân cách, kỹ năng và hỗ trợ học sinh

- Tổ chức sinh hoạt nhóm nhà mỗi tuần cho học sinh toàn trường.
- Tổ chức 17 câu lạc bộ dành cho học sinh Tiểu học và 8 câu lạc bộ dành cho học sinh THCS.
- Tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy (2 lần/năm).
- Tổ chức các chương trình giao lưu:

- + Giao lưu trực tuyến: tham gia hội nghị mô phỏng Liên Hợp Quốc (3/2024)
- + Giao lưu thể thao với trường SIKS: 2 lần (tháng 11/2023, tháng 11/2024)
- + Giao lưu với trường North Vista Primary Singapore (2/2025)

- Tổ chức dã ngoại:

- + Khu trò chơi Jump Arena (tháng 01/2024)
- + Khu du lịch sinh thái Cần Giờ (tháng 05/2024)
- + Khu du lịch Sơn Tuyên (tháng 01/2025)



HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

NGUYỄN THỤY THẢO ĐANG